

ĐIỂM MÔN HỌC: Y TẾ CÔNG ĐỒNG

ĐIỂM MÔN HỌC: 1 TCYNS 23B128													
STT	MS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		Điểm môn học	GHI CHÚ
					HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			Kết thúc môn học			
					1	2	1	2		LẦN 1	LẦN 2		
1	TCYS23B101	Huỳnh Thị Diễm Chi	02/11/2001		60		70		67	85		78	
2	TCYS23B102	Trần Hữu Cường	25/02/1997		70		60		63	85		76	
3	TCYS23B103	Nguyễn Trung Kiên	15/01/1997		70		60		63	✓		✓	L2 ✓
4	TCYS23B104	Nguyễn Văn Sơn	07/02/1988		60		70		67	80		75	
5	TCYS23B105	Vũ Thị Hà	02/10/1989		80		70		73	90		83	
6	TCYS23B106	Trần Đức Khản	23/06/1987		80		70		73	80		77	
7	TCYS23B107	Hà Chí Hiền	13/02/1988		80		60		67	80		75	
8	TCYS23B108	Cao Xuân Hùng	22/12/1987										
9	TCYS23B109	Nguyễn Thị Yên	28/10/1988		80		70		73	90		83	
10	TCYS23B110	Đặng Kim Dinh	08/04/1996		60		60		60	90		78	
11	TCYS23B111	Trần Song Huynh	09/06/1994		60		60		60	70		66	
12	TCYS23B112	Đoàn Anh Tài	24/03/1999										
13	TCYS23B113	Quách Thủy Băng	02/07/1997		80		70		73	87		81	
14	TCYS23B114	Quách Thủy An	21/04/2006		60		60		60	87		76	
15	TCYS23B115	Trần Văn Thắng	11/10/1989		75		70		72	85		80	
16	TCYS23B116	Nguyễn Công Chính	29/12/2000		80		70		73	85		80	
17	TCYS23B117	Đoàn Xuân Vượng	16/09/1991		80		70		73	85		80	
18	TCYS23B118	Nguyễn Văn Tây	13/02/1991		70		60		63	77		71	
19	TCYS23B119	Nguyễn Bá Nguyên	15/09/1990		70		60		63	✓		✓	L2 ✓
20	TCYS23B120	Nguyễn Mạnh Khương	20/11/1997		80		60		67	80		75	
21	TCYS23B121	Nguyễn Đức Quân	24/10/1996		80		70		73	85		80	
22	TCYS23B122	Nguyễn Ngọc Vương	20/10/1993		60		60		60	85		75	
23	TCYS23B123	Nguyễn Đình Anh	12/04/2004		60		60		60	85		75	
24	TCYS23B124	Phạm Thị Như Ngọc	25/04/1995										
25	TCYS23B125	Lê Thị Bích Huệ	10/02/1997										
26	TCYS23B126	Đỗ Như Ngọc	23/11/1995		60		60		60	✓		✓	VCP
27	TCYS23B127	Ngô Thanh Đoàn	07/12/1995		60		60		60	85		75	
28	TCYS23B128	Nguyễn Minh Ánh	21/10/2004		80		70		73	80		77	

29	TCYS23B129	Nguyễn Thị Hào	15/02/2002		80	70	73	✓		✓	12
30	TCYS23B130	Bùi Văn Huy	14/03/2008		60	60	60	75		69	
31	TCYS23B131	Lưu Văn Hòa	20/11/2000		60	60	60	85		75	
32	TCYS23B132	Nguyễn Ngọc Tâm	16/06/1986		80	60	67	75		72	
33	TCYS23B133	Thạch Dương Hoài Phát	30/06/2004		80	60	67	82		76	
34	TCYS23B134	Nguyễn Nhật Huy	20/02/2000		60	60	60	79		71	
35	TCYS23B135	Chung Phạm Hồng Hạnh	26/06/2004		60	70	67	80		75	
36	TCYS23B136	Trần Hữu Sơn	02/02/1996		60	60	60	79		71	
37	TCYS23B137										
38	TCYS23B138										
39	TCYS23B139										
40	TCYS23B140										

Tổng số học sinh
phải thi lại:

Cần Thơ, ngày tháng năm
Giáo viên giảng dạy

Thạch Hoài Phát

ThS. La Thành Chí Hiếu

ĐIỂM MÔN HỌC: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN - KTDV

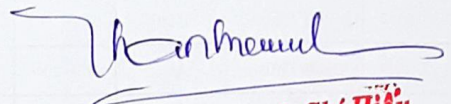
STT	MS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		Điểm môn học	GHI CHÚ
					HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			Kết thúc môn học			
					1	2	1	2		LẦN 1	LẦN 2		
1	TCYS23B101	Huỳnh Thị Diễm Chi	02/11/2001		7.0	8.0			77	80		79	
2	TCYS23B102	Trần Hữu Cường	25/02/1997		7.5	7.0			72	70		71	
3	TCYS23B103	Nguyễn Trung Kiên	15/01/1997										
4	TCYS23B104	Nguyễn Văn Sơn	07/02/1988		7.0	8.0			77	80		79	
5	TCYS23B105	Vũ Thị Hà	02/10/1989		7.5	8.0			78	80		79	
6	TCYS23B106	Trần Đức Khản	23/06/1987		7.5	8.0			78	70		73	
7	TCYS23B107	Hà Chí Hiền	13/02/1988		7.0	8.0			77	75		76	
8	TCYS23B108	Cao Xuân Hùng	22/12/1987										
9	TCYS23B109	Nguyễn Thị Yên	28/10/1988		7.0	8.0			77	8.5		82	
10	TCYS23B110	Đặng Kim Dinh	08/04/1996		7.0	5.5			60	65		63	
11	TCYS23B111	Trần Song Huynh	09/06/1994		7.0	8.0			77	80		79	
12	TCYS23B112	Đoàn Anh Tài	24/03/1999										
13	TCYS23B113	Quách Thúy Băng	02/07/1997		8.0	8.0			80	75		77	
14	TCYS23B114	Quách Thúy An	21/04/2006		7.5	7.0			72	80		77	
15	TCYS23B115	Trần Văn Thắng	11/10/1989		7.0	8.0			77	70		73	
16	TCYS23B116	Nguyễn Công Chính	29/12/2000		7.0	8.0			77	80		79	
17	TCYS23B117	Đoàn Xuân Vượng	16/09/1991		7.0	8.0			77	80		79	
18	TCYS23B118	Nguyễn Văn Tây	13/02/1991		7.5	8.0			78	80		79	
19	TCYS23B119	Nguyễn Bá Nguyên	15/09/1990		7.0	7.0			70	✓		✓	L2
20	TCYS23B120	Nguyễn Mạnh Khương	20/11/1997										
21	TCYS23B121	Nguyễn Đức Quân	24/10/1996		7.5	8.0			78	80		79	
22	TCYS23B122	Nguyễn Ngọc Vương	20/10/1993		7.5	8.0			78	70		73	
23	TCYS23B123	Nguyễn Đình Anh	12/04/2004		7.5	8.0			78	75		76	
24	TCYS23B124	Phạm Thị Như Ngọc	25/04/1995										
25	TCYS23B125	Lê Thị Bích Huệ	10/02/1997										
26	TCYS23B126	Đỗ Như Ngọc	23/11/1995		7.5	7.0			72	✓		✓	VCP
27	TCYS23B127	Ngô Thanh Đoàn	07/12/1995		7.5	6.5			68	60		63	
28	TCYS23B128	Nguyễn Minh Ánh	21/10/2004		7.5	8.0			78	75		76	

GP-
NƠI C

29	TCYS23B129	Nguyễn Thị Hào	15/02/2002															
30	TCYS23B130	Bùi Văn Huy	14/03/2008	7.0	55	60	40				48							
31	TCYS23B131	Lưu Văn Hòa	20/11/2000	7.5	80	78	80				79							
32	TCYS23B132	Nguyễn Ngọc Tâm	16/06/1986															
33	TCYS23B133	Thạch Dương Hoài Phát	30/06/2004	7.5	80	78	85				82							
34	TCYS23B134	Nguyễn Nhật Huy	20/02/2000	7.0	75	73	✓				✓						12	
35	TCYS23B135	Chung Phạm Hồng Hạnh	26/06/2004	7.5	80	78	75				76							
36	TCYS23B136	Trần Hữu Sơn	02/02/1996	7.5	70	72	65				68							
37	TCYS23B137																	
38	TCYS23B138																	
39	TCYS23B139																	
40	TCYS23B140																	

Tổng số học sinh
phải thi lại:

Cần Thơ, ngày tháng năm
Giáo viên giảng dạy


ThS. La Thanh Chi Hieu